

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A01-01	Lê Thị Hồng Ân	733	40	10
A01-02	Phạm Thị Tuyết Anh	734	27	6.8
A01-03	Ngô Nhật Anh	732	38	9.5
A01-04	Dương Tăng Gia Bảo	733	29	7.3
A01-05	Phạm Chương Đài	733	39	9.8
A01-06	Bùi Minh Đức	732	38	9.5
A01-07	Đinh Thị Bảo Hân	733	32	8
A01-08	Phạm Khánh Huyền	731	39	9.8
A01-09	Nguyễn Đức Minh Khôi	734	26	6.5
A01-10	Hỷ Vũ Gia Linh	732	38	9.5
A01-11	Lưu Ngọc Linh	732	32	8
A01-12	Nguyễn Hoàng Như Mai	734	36	9
A01-13	Cao Nguyễn Hà My	734	40	10
A01-14	Cao Ánh Trà My	732	35	8.8
A01-15	Nguyễn Lê Hoàng Mỹ	733	40	10
A01-16	Châu Nguyễn Phương Nam	733	37	9.3
A01-17	Đoàn Kim Nga	734	33	8.3
A01-18	Nguyễn Thanh Ngân	732	34	8.5
A01-19	Diệp Mỹ Ngọc	731	37	9.3
A01-20	Huỳnh Nguyễn Hiếu Nhi	733	38	9.5
A01-21	Trần Nguyễn Linh Nhu	732	37	9.3
A01-22	Hồ Phương Như	732	39	9.8
A01-23	Trang Trần Kim Oanh	732	38	9.5
A01-24	Nguyễn Vĩnh Phong	731	40	10
A01-25	Phạm Thanh Phương	731	37	9.3
A01-26	Trương Lê Như Quỳnh	733	28	7
A01-27	Nguyễn Hoàng Thiên Thanh	732	40	10
A01-28	Nguyễn Thanh Thảo	733	39	9.8
A01-29	Vy Hạ Thi	732	30	7.5
A01-30	Võ Ngọc Anh Thư	731	37	9.3
A01-31	Đào Nguyễn Thanh Thư	733	40	10
A01-32	Huỳnh Trương Đăng Thư	733	40	10
A01-33	Mai Thị Thanh Thủy	732	36	9
A01-34	Nguyễn Vũ Thủy Tiên	731	37	9.3
A01-35	Nguyễn Mỹ Ngọc Trân	733	36	9
A01-36	Nguyễn Thanh Trúc	733	26	6.5
A01-37	Nguyễn Tuấn	731	39	9.8
A01-38	Hoàng Thái Tuấn	733	33	8.3
A01-39	Đoàn Phương Uyên	734	40	10
A01-40	Phạm Quang Vinh	731	38	9.5
A01-41	Nguyễn Tiêu Đông Vũ	733	38	9.5
A01-42	Nguyễn Thị Tường Vy	733	39	9.8
A01-43	Phan Quang Thiện	735	10	5
A01-44				
A01-45				
A01-46				
A01-47				
A01-48				
A01-49				
A01-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A02-01	Lê Nguyễn Hoàng Ân	731	26	6.5
A02-02	Võ Nguyễn Lan Anh	732	39	9.8
A02-03	Võ Thị Lan Anh	734	33	8.3
A02-04	Nguyễn Bùi Trâm Anh	731	39	9.8
A02-05	Trần Bảo Anh	733	40	10
A02-06	Huỳnh Thị Ngọc Ánh	732	39	9.8
A02-07	Nguyễn Ngọc Thúy Diễm	731	39	9.8
A02-08	Lê Hoàng Ngọc Diệp	734	39	9.8
A02-09	Nguyễn Lê Hạnh Dung	734	36	9
A02-10	Nguyễn Dương Duy Dương	731	39	9.8
A02-11	Dương Thanh Hải	733	38	9.5
A02-12	Nguyễn Triệu Bảo Hân			
A02-13	Nguyễn Thị Hoàng Hoa	732	35	8.8
A02-14	Lý Bảo Hoa	732	38	9.5
A02-15	Lê Đắc Hoan	731	39	9.8
A02-16	Lưu Thị Thu Hương	733	40	10
A02-17	Tô Nhật Tú Hương	731	38	9.5
A02-18	Nguyễn Đức Khải	733	40	10
A02-19	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	732	29	7.3
A02-20	Đặng Đăng Khoa	732	37	9.3
A02-21	Nguyễn Thị Mai Linh	734	40	10
A02-22	Hàn Thanh Mai	731	37	9.3
A02-23	Ngô Nữ Quỳnh My	732	35	8.8
A02-24	Nguyễn Huỳnh Kim Ngân	732	40	10
A02-25	Châu Mẫn Nghi	733	34	8.5
A02-26	Phạm Lê Hoài Ngọc	734	35	8.8
A02-27	Hồ Đoàn Ý Nhi	731	35	8.8
A02-28	Nguyễn Thị Uyên Nhi	731	36	9
A02-29	Trương Thị Mộng Như	734	30	7.5
A02-30	Trần Khánh Như	731	39	9.8
A02-31	Lê Minh Nhựt	734	37	9.3
A02-32	Lý Nam Phát	734	40	10
A02-33	Trần Thị Mỹ Phương	734	37	9.3
A02-34	Ong Minh Quang	732	40	10
A02-35	Trần Ngọc Phương Quyên	734	39	9.8
A02-36	Nguyễn Thúy Quỳnh	731	34	8.5
A02-37	Lê Thị Hồng Thắm	732	40	10
A02-38	Bùi Thị Phương Thanh	734	40	10
A02-39	Lê Ngọc Hương Thảo	731	32	8
A02-40	Nguyễn Trà Anh Thư	731	38	9.5
A02-41	Bùi Nguyễn Minh Thư	734	39	9.8
A02-42	Võ Minh Thư	732	39	9.8
A02-43	Phạm Huỳnh Bích Thuận	734	39	9.8
A02-44	Phan Ngô Trọng Anh Tú	734	40	10
A02-45	Đào Thị Tường Vy	731	35	8.8
A02-46				
A02-47				
A02-48				
A02-49				
A02-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A03-01	Nguyễn Như Kiều Anh	733	40	10
A03-02	Nguyễn Thị Ngọc Anh	731	35	8.8
A03-03	Chánh Hưng Bách	731	38	9.5
A03-04	Phùng Thị Ngọc Bích	732	36	9
A03-05	Đinh Thị Y Bình	734	27	6.8
A03-06	Trịnh Cao Cát	731	35	8.8
A03-07	Lê Thành Chương	733	40	10
A03-08	Từ Khánh Duy	731	36	9
A03-09	Nguyễn Thùy Dương	733	40	10
A03-10	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	732	40	10
A03-11	Nguyễn Thị Mai Hân	731	38	9.5
A03-12	Trần Nguyễn Gia Hân	734	32	8
A03-13	Đặng Ngọc Hân	732	40	10
A03-14	Phạm Trần Mỹ Hạnh	731	38	9.5
A03-15	Nguyễn Vũ Mai Hạnh	733	39	9.8
A03-16	Trần Thị Thu Hiền	734	37	9.3
A03-17	Nguyễn Trần Thúy Hồng	733	40	10
A03-18	Võ Hoàng Lan	734	33	8.3
A03-19	Trần Quỳnh My	734	34	8.5
A03-20	Đặng Mai Bảo My	734	40	10
A03-21	Hồ Thị Như Ngân	734	18	4.5
A03-22	Lê Hoàng Bảo Ngọc	732	40	10
A03-23	Phạm Bảo Ngọc	732	30	7.5
A03-24	Nguyễn Thị Quỳnh Như	733	40	10
A03-25	Trịnh Mỹ Quyên	731	37	9.3
A03-26	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	734	39	9.8
A03-27	Nguyễn Mỹ Quỳnh	732	40	10
A03-28	Đỗ Thị Trúc Quỳnh	732	39	9.8
A03-29	Phún Sín Thái	734	39	9.8
A03-30	Đặng Ngọc Thanh	731	35	8.8
A03-31	Nguyễn Thị Thanh Thảo	734	39	9.8
A03-32	Nguyễn Huỳnh Hoàng Thiện	734	34	8.5
A03-33	Nguyễn Ngọc Minh Thư	732	40	10
A03-34	Trần Phạm Minh Trang	731	38	9.5
A03-35	Hoàng Bảo Trang	734	37	9.3
A03-36	Nguyễn Ngọc Trinh	732	40	10
A03-37	Phạm Thị Hồng Trinh	734	38	9.5
A03-38	Nguyễn Hữu Trọng	734	40	10
A03-39	Đỗ Thanh Trúc	731	38	9.5
A03-40	Nguyễn Thị Thanh Trúc	734	38	9.5
A03-41	Nguyễn Song Cát Tường	731	39	9.8
A03-42	Võ Thị Anh Vy	733	40	10
A03-43	Lê Tường Vy	732	32	8
A03-44	Nguyễn Trần Tường Vy	732	39	9.8
A03-45	Trần Cẩm Vy	734	38	9.5
A03-46				
A03-47				
A03-48				
A03-49				
A03-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A04-01	Trần Văn An	731	39	9.8
A04-02	Hoàng Minh Anh	734	35	8.8
A04-03	Nguyễn Thành Thái Bảo	733	40	10
A04-04	Cao Danh Bảo	731	38	9.5
A04-05	Trần Thị Mỹ Duyên	734	39	9.8
A04-06	Chống Hiểu Duyên	732	40	10
A04-07	Ma Trần Hồng Hạnh	732	29	7.3
A04-08	Dương Ngọc Mỹ Hạnh	732	37	9.3
A04-09	Lê Trung Hoa	734	40	10
A04-10	Trần Vũ Quỳnh Hương	734	31	7.8
A04-11	Hồng Huỳnh Gia Huy	732	39	9.8
A04-12	Nguyễn Đức Gia Huy	732	39	9.8
A04-13	Trần Hoàng Gia Huy	734	39	9.8
A04-14	Mai Văn Khanh	733	40	10
A04-15	Nguyễn Hồng Gia Kiệt	731	39	9.8
A04-16	Nguyễn Phúc Thiên Kim	733	36	9
A04-17	Đinh Bảo Lâm	731	39	9.8
A04-18	Nguyễn Phan Thùy Linh	731	37	9.3
A04-19	Lê Thủy Linh	733	40	10
A04-20	Nguyễn Cát Lợi	732	39	9.8
A04-21	Nguyễn Thị Xuân Mai	733	39	9.8
A04-22	Lâm Hà Mi	733	37	9.3
A04-23	Nguyễn Thị Trà My	732	39	9.8
A04-24	Nguyễn Thị Trà My	732	39	9.8
A04-25	Vũ Ngọc Trà My	734	36	9
A04-26	Nguyễn Hoài Nam	731	30	7.5
A04-27	Đoàn Ngọc Thu Ngân	731	37	9.3
A04-28	Lâm Ái Ngọc	734	40	10
A04-29	Nguyễn Gia Cẩm Nguyên	731	39	9.8
A04-30	Trần Xuân Nguyệt	733	40	10
A04-31	Phan Ngọc Yến Nhi	733	40	10
A04-32	Bùi Uyển Nhi	733	38	9.5
A04-33	Vòng Mỹ Như	733	32	8
A04-34	Lê Kim Oanh	732	39	9.8
A04-35	Nguyễn Tân Phú	733	33	8.3
A04-36	Vũ Hoàng Phúc	733	35	8.8
A04-37	Huỳnh Đỗ Trung Quân	732	40	10
A04-38	Võ Ngọc Mỹ Tâm	731	38	9.5
A04-39	Phan Thị Minh Thư	734	38	9.5
A04-40	Nguyễn Như Thanh Thủy	734	37	9.3
A04-41	Lê Thùy Tiên	733	40	10
A04-42	Phan Thị Uyên	732	37	9.3
A04-43	Mai Trần Khánh Vy	731	36	9
A04-44	Nguyễn Phi Yến	734	39	9.8
A04-45	Trần Hải Yến	733	40	10
A04-46				
A04-47				
A04-48				
A04-49				
A04-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A05-01	Nguyễn Văn An	721	37	9.3
A05-02	Huỳnh Quế Anh	722	36	9
A05-03	Lê Trọng Anh	724	39	9.8
A05-04	Hồ Đức Anh	721	34	8.5
A05-05	Nguyễn Hoài Bảo	722	33	8.3
A05-06	Nguyễn Thị Kiều Dung	723	32	8
A05-07	Đinh Nguyễn Xuân Dung	721	34	8.5
A05-08	Nguyễn Hồ Trường Hải	721	39	9.8
A05-09	Huỳnh Trần Thanh Hằng	721	38	9.5
A05-10	Quan Cần Hiền	722	40	10
A05-11	Lâm Xuân Hiếu	723	38	9.5
A05-12	Chế Gia Huy	723	36	9
A05-13	Trần Nhật Huy	723	39	9.8
A05-14	Võ Bá Huy	721	24	6
A05-15	Trần Duy Khải	722	36	9
A05-16	Trương Minh Khải	722	32	8
A05-17	Phạm Chu Chí Khang	721	37	9.3
A05-18	Phạm Trung Kiên	723	38	9.5
A05-19	Trần Vĩ Kiệt	722	21	5.3
A05-20	Nguyễn Thị Diệu Linh	723	39	9.8
A05-21	Mai Tấn Lộc	722	27	6.8
A05-22	Ngô Quang Lộc	722	25	6.3
A05-23	Nguyễn Hoàng Long	724	39	9.8
A05-24	Nguyễn Trần Xuân Mai	721	40	10
A05-25	Lê Trọng Nghĩa	722	32	8
A05-26	Nguyễn Thái Bảo Ngọc	721	38	9.5
A05-27	Trần Minh Ngọc	724	37	9.3
A05-28	Nguyễn Bá Nhân	722	38	9.5
A05-29	Đỗ Thiện Nhân	722	38	9.5
A05-30	Nguyễn Đặng Thị Phương Nhung	722	35	8.8
A05-31	Lê Đình Tấn Phát	721	23	5.8
A05-32	Đào Thành Phát	721	38	9.5
A05-33	Đào Huỳnh Trọng Phúc	723	33	8.3
A05-34	Phan Vũ Minh Quân	723	38	9.5
A05-35	Trần Thái Sơn	722	40	10
A05-36	Huỳnh Nhựt Tân	724	39	9.8
A05-37	Lâm Thiên Tân			
A05-38	Phạm Hà Thái Thiên	724	20	5
A05-39	Đỗ Khải Minh Thư	724	38	9.5
A05-40	Trương Văn Minh Thức	722	40	10
A05-41	Nguyễn Văn Tiến	722	32	8
A05-42	Nguyễn Thị Thu Trang	722	39	9.8
A05-43	Đỗ Ngọc Đoan Trang	724	20	5
A05-44	Nguyễn Nhật Trường	722	30	7.5
A05-45	Đoàn Huỳnh Minh Vy	723	39	9.8
A05-46	Lê Hoàng Vỹ	723	19	4.8
A05-47				
A05-48				
A05-49				
A05-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A06-01	Võ Mỹ Kim Anh	723	34	8.5
A06-02	Đỗ Mai Anh	723	39	9.8
A06-03	Đoàn Ngọc Bảo	724	35	8.8
A06-04	Trần Châu Hoàn Bình	723	34	8.5
A06-05	Nguyễn Minh Châu	721	35	8.8
A06-06	Trương Anh Duy	724	23	5.8
A06-07	Phạm Lê Hạnh Duyên	723	34	8.5
A06-08	Diệp Thành Đạt	722	38	9.5
A06-09	Nguyễn Dương Đông	722	40	10
A06-10	Phạm Ngọc Quỳnh Giao	722	28	7
A06-11	Phan Thị Thu Hà	724	34	8.5
A06-12	Hồ Long Hải	723	28	7
A06-13	Ngô Ngọc Hân	722	37	9.3
A06-14	Lê Quang Nhật Hoàng	724	23	5.8
A06-15	Phạm Minh Hùng	722	39	9.8
A06-16	Phạm Mai Hương	721	33	8.3
A06-17	Lại Phước Huy	724	39	9.8
A06-18	Chu Thị Kim Lắm	722	40	10
A06-19	Lê Vũ Thủy Linh	723	39	9.8
A06-20	Đỗ Nguyễn Ngọc Linh	721	33	8.3
A06-21	Lê Hoàng Linh	724	36	9
A06-22	Trần Tăng Lộc	724	35	8.8
A06-23	Trần Đức Long	722	28	7
A06-24	Nguyễn Việt Bảo Minh	723	38	9.5
A06-25	Huỳnh Lê Nhật Minh	723	39	9.8
A06-26	Phạm Thành Nam	722	34	8.5
A06-27	Lê Nguyễn Tuyết Nhi	721	37	9.3
A06-28	Hồ Gia Như	723	37	9.3
A06-29	Ngô Nhật Ninh	721	35	8.8
A06-30	Phan Phước Phú	724	21	5.3
A06-31	Trần Thanh Phương	724	39	9.8
A06-32	Hồ Ngọc Thanh Phương	722	38	9.5
A06-33	Trần Thủy Quỳnh	722	39	9.8
A06-34	Nguyễn Đào Như Quỳnh	722	38	9.5
A06-35	Trần Phạm Phương Quỳnh	724	37	9.3
A06-36	Vũ Nguyễn Thanh Sang	722	22	5.5
A06-37	Đoàn Quyết Thắng	723	36	9
A06-38	Phạm Công Thành	722	37	9.3
A06-39	Hoàng Ngọc Anh Thư	722	38	9.5
A06-40	Lê Huỳnh Thanh Thủy	724	33	8.3
A06-41	Vũ Đoàn Mai Trang	721	40	10
A06-42	Đỗ Thị Đoàn Trang	723	40	10
A06-43	Đỗ Thị Thùy Trang	723	40	10
A06-44	Phạm Anh Tuấn	724	36	9
A06-45	Hồ Bách Việt	721	34	8.5
A06-46	Trần Phạm Thiên Vương	721	28	7
A06-47				
A06-48				
A06-49				
A06-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A07-01	Trương Nguyễn Thiên An	723	36	9
A07-02	Ngô Gia Ân	724	32	8
A07-03	Trần Quốc Anh	721	31	7.8
A07-04	Dư Hoàng Bảo	721	40	10
A07-05	Nguyễn Tường Thái Cường	723	37	9.3
A07-06	Võ Kim Kỳ Duyên	723	38	9.5
A07-07	Phạm Hoàng Thủy Đan	723	37	9.3
A07-08	Nguyễn Duy Đông	722	36	9
A07-09	Nguyễn Hoàng Giang	721	27	6.8
A07-10	Nguyễn Ngọc Hà	722	39	9.8
A07-11	Trần Đức Phúc Hậu	724	37	9.3
A07-12	Ngô Minh Hiền	722	29	7.3
A07-13	Trần Ngọc Hiền	724	36	9
A07-14	Ngô Quang Hưởng	724	29	7.3
A07-15	Đoàn Gia Huy	722	27	6.8
A07-16	Nguyễn Hoàng Triều Huy	722	40	10
A07-17	Đoàn Văn Kiều	723	28	7
A07-18	Lê Gia Lạc	722	40	10
A07-19	Trần Hoàng Khánh Linh	722	39	9.8
A07-20	Nguyễn Bảo Long	722	28	7
A07-21	Lê Phước Hoàng Minh	721	35	8.8
A07-22	Trần Công Anh Minh	724	39	9.8
A07-23	Nguyễn Hiếu Ngân	721	39	9.8
A07-24	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	722	40	10
A07-25	Nguyễn Thị Thùy Nguyên			
A07-26	Tô Ngọc Yến Nhi	724	36	9
A07-27	Trần Hoàng Tuyết Nhi	722	40	10
A07-28	Nguyễn Bình Thục Nhiên	723	34	8.5
A07-29	Đào Thế Phong	724	36	9
A07-30	Nguyễn Hoài Phước	723	36	9
A07-31	Hồ Ngọc Uyên Phương	722	40	10
A07-32	Phạm Hoàng Quân	723	38	9.5
A07-33	Trương Gia Quý	723	28	7
A07-34	Nguyễn Thanh Tân	722	39	9.8
A07-35	Đồng Nguyễn Đức Thành	722	40	10
A07-36	Nguyễn Ngọc Thảo	723	32	8
A07-37	Nguyễn Tấn Thọ	723	28	7
A07-38	Nguyễn Phước Trung	724	35	8.8
A07-39	Đỗ Thành Tú	724	36	9
A07-40	Trần Anh Tuấn	722	36	9
A07-41	Lâm Thị Thanh Tuyền	721	40	10
A07-42	Đoàn Nguyễn Thanh Uyên	722	39	9.8
A07-43	Phạm Nguyễn Gia Uyên	724	39	9.8
A07-44	La Văn Vũ	724	39	9.8
A07-45	Nguyễn Trần Bảo Vy	721	37	9.3
A07-46				
A07-47				
A07-48				
A07-49				
A07-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A08-01	Nguyễn Xuân An	723	32	8
A08-02	Nguyễn Ngọc Huyền Anh	724	34	8.5
A08-03	Trần Tuấn Anh	722	34	8.5
A08-04	Phan Quốc Anh	722	15	3.8
A08-05	Đinh Gia Bảo	723	37	9.3
A08-06	Dương Thị Chung	724	21	5.3
A08-07	Huỳnh Tuấn Duy	721	40	10
A08-08	Lê Hữu Hải Đăng	721	36	9
A08-09	Trần Phúc Đức	721	38	9.5
A08-10	Bùi Thị Phượng Hằng	723	39	9.8
A08-11	Nguyễn Thị Thúy Hằng	723	27	6.8
A08-12	Nguyễn Ngọc Hiếu	721	39	9.8
A08-13	Nguyễn Việt Huy	724	25	6.3
A08-14	Mai Tuấn Huy	724	38	9.5
A08-15	Bùi Phạm Gia Huy	722	36	9
A08-16	Cao Minh Khoa	722	36	9
A08-17	Hồ Minh Khôi	723	33	8.3
A08-18	Dương Mạnh Kiên	721	31	7.8
A08-19	Nguyễn Văn Kiệt	722	36	9
A08-20	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	722	37	9.3
A08-21	Nguyễn Hà Linh	724	38	9.5
A08-22	Nguyễn Thị Kim Loan	721	40	10
A08-23	Phạm Đặng Hải Minh	722	37	9.3
A08-24	Võ Hà My	723	36	9
A08-25	Phạm Thị Kim Ngân	723	40	10
A08-26	Nguyễn Trần Huỳnh Như	721	40	10
A08-27	Mai Thanh Thiên Phú	721	38	9.5
A08-28	Đỗ Quang Phước	723	37	9.3
A08-29	Trần Đức Tài	723	35	8.8
A08-30	Nguyễn Thanh Tân	724	34	8.5
A08-31	Đỗ Tân Thạch	721	37	9.3
A08-32	Phạm Minh Thiện	723	33	8.3
A08-33	Hồ Bảo Thịnh	723	30	7.5
A08-34	Nguyễn Quang Thịnh	721	37	9.3
A08-35	Trần Anh Thịnh	724	36	9
A08-36	Hồ Ngọc Anh Thư	722	40	10
A08-37	Mai Thị Minh Thư	724	38	9.5
A08-38	Trần Huỳnh Anh Thy	721	40	10
A08-39	Nguyễn Trọng Tín	721	39	9.8
A08-40	Đỗ Thị Thùy Trang	721	37	9.3
A08-41	Phạm Nguyễn Minh Trí	724	38	9.5
A08-42	Võ Văn Trình	722	38	9.5
A08-43	Nguyễn Đức Trung	721	27	6.8
A08-44	Nguyễn Anh Tú	721	28	7
A08-45	Dương Nguyễn Yên Vy	724	31	7.8
A08-46	Trần Yến Vy	722	31	7.8
A08-47				
A08-48				
A08-49				
A08-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A09-01	Hoàng Ngọc Tú Anh	724	37	9.3
A09-02	Nguyễn Minh Anh	721	28	7
A09-03	Tô Hồng Anh			
A09-04	Đinh Hoàng Gia Minh Chính	722	25	6.3
A09-05	Đỗ Thế Thành Danh	724	26	6.5
A09-06	Nguyễn Đức Hải	723	40	10
A09-07	Liệu Gia Hân	722	35	8.8
A09-08	Lê Phạm Ngọc Hiền	721	38	9.5
A09-09	Đỗ Thuý Hồng	722	40	10
A09-10	Nguyễn Viết An Huy	722	38	9.5
A09-11	Trần Nhật Huy	724	37	9.3
A09-12	Phạm Trần Gia Huy	721	17	4.3
A09-13	Bùi Tuấn Khanh	723	29	7.3
A09-14	Cao Nguyễn Tuấn Khoa	724	27	6.8
A09-15	Nguyễn Đăng Khoa	721	34	8.5
A09-16	Huỳnh Hoàng Anh Khoa	723	39	9.8
A09-17	Trương Minh Khôi	721	29	7.3
A09-18	Nguyễn Thúy Kiều	723	39	9.8
A09-19	Võng Y Lê	721	40	10
A09-20	Phạm Hải Long	724	34	8.5
A09-21	Đặng Nguyễn Hoàng Mai	723	38	9.5
A09-22	Nguyễn Lê Nhật Minh	722	36	9
A09-23	Nguyễn Thành Minh	724	34	8.5
A09-24	Nguyễn Ngọc My Na	721	36	9
A09-25	Nguyễn Nam	724	33	8.3
A09-26	Trần Thị Tuyết Ngọc	722	40	10
A09-27	Lê Thị Bảo Ngọc	724	36	9
A09-28	Đào Minh Nhật	724	28	7
A09-29	Nguyễn Ngọc Nhi	722	31	7.8
A09-30	Phạm Ngọc Tuyết Nhi	724	32	8
A09-31	Tạ Thành Phát	723	40	10
A09-32	Đào Minh Phúc	721	37	9.3
A09-33	Đoàn Thị Trúc Phương	724	39	9.8
A09-34	Nguyễn Mạnh Anh Quân	721	23	5.8
A09-35	Trần Nguyễn Ngọc Quyên	724	37	9.3
A09-36	Trần Nhật Quỳnh	721	37	9.3
A09-37	Nguyễn Toàn Thắng	723	39	9.8
A09-38	Lê Tiểu Minh Thư	721	38	9.5
A09-39	Nguyễn Ngọc Huỳnh Toàn	723	36	9
A09-40	Huỳnh Thị Bích Trâm	723	38	9.5
A09-41	Nguyễn Thành Trung	723	33	8.3
A09-42	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	722	39	9.8
A09-43	Đoàn Anh Tuấn	724	38	9.5
A09-44	Bùi Hoàng Anh Tuấn	721	27	6.8
A09-45	Phạm Trường Vinh	722	40	10
A09-46				
A09-47				
A09-48				
A09-49				
A09-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A10-01	Vũ Ngọc Trâm Anh	723	38	9.5
A10-02	Vũ Thị Kim Anh	724	39	9.8
A10-03	Hà Gia Bảo	723	38	9.5
A10-04	Trần Gia Bảo	721	38	9.5
A10-05	Nguyễn Thị Ngọc Bích			
A10-06	Lê Hồng Bảo Châu	724	38	9.5
A10-07	Trần Việt Đông	724	34	8.5
A10-08	Lê Như Trường Hải	721	40	10
A10-09	Võ Nguyễn Chí Hiếu	724	37	9.3
A10-10	Nguyễn Huy Hoàng	721	34	8.5
A10-11	Lê Trinh Tú Hương	724	37	9.3
A10-12	Trần Quốc Khang	723	37	9.3
A10-13	Nguyễn Anh Kiệt	724	29	7.3
A10-14	Nguyễn Thanh Phú Kiều	721	35	8.8
A10-15	Đỗ Phương Linh	721	37	9.3
A10-16	Võ Ngọc Thanh Long	721	39	9.8
A10-17	Mai Nhật Long	723	31	7.8
A10-18	Phạm Hoàng Long	723	38	9.5
A10-19	Nguyễn Thị Khánh Ly	724	30	7.5
A10-20	Phạm Văn Mạnh	721	38	9.5
A10-21	Lê Phạm Gia Nghi	724	39	9.8
A10-22	Nguyễn Ngọc Nhân	724	36	9
A10-23	Nguyễn Thị Tuyết Như	724	30	7.5
A10-24	Lê Hoàng Oanh	723	34	8.5
A10-25	Nguyễn Minh Quân	724	36	9
A10-26	Võ Đức Phương Quỳnh	723	38	9.5
A10-27	Lê Diễm Quỳnh	723	34	8.5
A10-28	Hồ Thị Thanh Thảo	723	39	9.8
A10-29	Lê Thị Thảo	721	34	8.5
A10-30	Võ Minh Thơ	724	37	9.3
A10-31	Lữ Phan Đoàn Thư	723	33	8.3
A10-32	Phan Thương Thương	722	39	9.8
A10-33	Đặng Thị Bảo Trân	722	39	9.8
A10-34	Nguyễn Thị Minh Trang	724	39	9.8
A10-35	Đặng Hoàng Thiên Trang	722	37	9.3
A10-36	Trần Thanh Trí	721	37	9.3
A10-37	Nguyễn Đức Trung	723	33	8.3
A10-38	Trần Thanh Tùng	723	33	8.3
A10-39	Nguyễn Thanh Vy	722	38	9.5
A10-40	Mai Nhật Phương Vy	724	37	9.3
A10-41				
A10-42				
A10-43				
A10-44				
A10-45				
A10-46				
A10-47				
A10-48				
A10-49				
A10-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A11-01	Dương Lê Nhật Anh	723	13	3.3
A11-02	Nguyễn Lý Văn Bằng	722	40	10
A11-03	Hồ Quốc Bảo	724	39	9.8
A11-04	Nguyễn Thanh Hải	724	32	8
A11-05	Phạm Nguyễn Gia Hân	724	32	8
A11-06	Trần Minh Hiếu	722	34	8.5
A11-07	Nguyễn Đức Hòa	722	40	10
A11-08	Đào Nguyễn Tuấn Hoàng	723	37	9.3
A11-09	Bùi Hữu Hưởng	721	37	9.3
A11-10	Phạm Đoàn Gia Huy	723	28	7
A11-11	Nguyễn Châu Nhật Khánh	724	38	9.5
A11-12	Trương Gia Khiêm	722	27	6.8
A11-13	Phạm Trịnh Quỳnh Mai	723	39	9.8
A11-14	Lý Ngọc Mai	721	40	10
A11-15	Lê Vũ Quế Minh	721	40	10
A11-16	Nguyễn Trần Thanh Ngân	723	39	9.8
A11-17	Nguyễn Trọng Nghĩa	724	33	8.3
A11-18	Trần Phạm Trọng Nhân	722	40	10
A11-19	Lưu Tùng Nhân	722	21	5.3
A11-20	Huỳnh Trần Yến Nhi	721	33	8.3
A11-21	Lưu Tấn Phong	722	38	9.5
A11-22	Trần Hưng Phú	723	26	6.5
A11-23	Liu Lý Phún	722	40	10
A11-24	Phạm Tả Quân	722	40	10
A11-25	Trần Hồng Quân	722	25	6.3
A11-26	Nguyễn Phạm Trung Quân	724	34	8.5
A11-27	Phan Trần Đức Tài	723	25	6.3
A11-28	Lữ Ngọc Thảo	724	33	8.3
A11-29	Nguyễn Duy Thông	721	33	8.3
A11-30	Nguyễn Ngọc Minh Thư	723	30	7.5
A11-31	Phạm Thị Thu Tiên	723	37	9.3
A11-32	Bùi Ngọc Bảo Tiên	721	33	8.3
A11-33	Nguyễn Phạm Mỹ Tiên	724	29	7.3
A11-34	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	721	36	9
A11-35	Nguyễn Đức Trọng	722	38	9.5
A11-36	Đoàn Ngọc Trung	721	32	8
A11-37	Nguyễn Công Tuyển	722	40	10
A11-38	Nguyễn Hoàng Như Uyên	721	34	8.5
A11-39	Trần Quốc Vinh	724	36	9
A11-40	Nguyễn Quốc Vương	723	37	9.3
A11-41	Nguyễn Đình Thảo Vy	723	34	8.5
A11-42	Nguyễn Hoàng Hải Vy	722	40	10
A11-43				
A11-44				
A11-45				
A11-46				
A11-47				
A11-48				
A11-49				
A11-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A12-01	Giang Gia Bảo	722	38	9.5
A12-02	Đặng Thị Xuân Diệu	723	38	9.5
A12-03	Đỗ Thị Thùy Dương	722	38	9.5
A12-04	Nguyễn Ngọc Đạo	722	25	6.3
A12-05	Lê Hương Giang	724	39	9.8
A12-06	Trần Văn Hoàng	723	40	10
A12-07	Lê Khánh Hoàng	721	40	10
A12-08	Nguyễn Phi Hùng	724	31	7.8
A12-09	Nguyễn Duy Hưng	721	37	9.3
A12-10	Lý Đức Hưng	723	39	9.8
A12-11	Nguyễn Phan Hữu Khanh	721	40	10
A12-12	Trần Trung Kiên	724	35	8.8
A12-13	Phạm Đình Trúc Linh	723	37	9.3
A12-14	Trần Thị Thu Loan	724	38	9.5
A12-15	Lê Tấn Lộc	721	34	8.5
A12-16	Bùi Hữu Lộc	723	39	9.8
A12-17	Trần Trung Lộc	723	38	9.5
A12-18	Lê Đỗ Ngọc Mẫn	722	27	6.8
A12-19	Nguyễn Hoàn Kim Ngân	721	31	7.8
A12-20	Bùi Mạnh Nghĩa	721	31	7.8
A12-21	Nguyễn Vũ Phụng	724	39	9.8
A12-22	Trần Nhật Quang	721	37	9.3
A12-23	Lương Như Quỳnh	721	40	10
A12-24	Phạm Văn Tài	721	39	9.8
A12-25	Hồ Nguyễn Minh Thắng	721	39	9.8
A12-26	Trần Đan Thanh	724	37	9.3
A12-27	Ma Minh Thành	724	39	9.8
A12-28	Nguyễn Lê Phương Thảo	722	40	10
A12-29	Trần Thị Thanh Thảo	722	40	10
A12-30	Võ Mai Trang Thơ	721	38	9.5
A12-31	Nguyễn Huỳnh Anh Thư	721	40	10
A12-32	Lê Minh Tiến	724	38	9.5
A12-33	Trần Ngọc Trâm	721	40	10
A12-34	Bùi Thị Ngọc Trang	722	34	8.5
A12-35	Huỳnh Minh Trí	723	38	9.5
A12-36	Hoàng Văn Lê Trí	723	37	9.3
A12-37	Nguyễn Thái Tú	723	12	3
A12-38	Trịnh Đình Tuấn	723	39	9.8
A12-39	Nguyễn Thị Kim Tuyền	724	37	9.3
A12-40	Ngô Thanh Vân	723	39	9.8
A12-41	Võ Quang Vinh	722	40	10
A12-42	Ngô Thị Yến Vy	724	36	9
A12-43				
A12-44				
A12-45				
A12-46				
A12-47				
A12-48				
A12-49				
A12-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A13-01	Lê Trúc Ân	722	36	9
A13-02	Trương Trần Bảo Châu	722	38	9.5
A13-03	Nguyễn Hoàng Tuấn Đạt	724	30	7.5
A13-04	Nguyễn Võ Thái Định	721	33	8.3
A13-05	Đoàn Phan Tài Đức	723	34	8.5
A13-06	Trần Huy Hoàng	724	27	6.8
A13-07	Lê Minh Hưng	723	40	10
A13-08	Vũ Thị Ngọc Hương	722	38	9.5
A13-09	Phạm Nhật Huy	723	28	7
A13-10	Phạm Vũ Minh Huy	721	29	7.3
A13-11	Lâm Nguyễn An Khôi	721	31	7.8
A13-12	Lâm Nguyễn Huy Khôi	723	37	9.3
A13-13	Hồ Anh Kiệt	721	26	6.5
A13-14	Lê Đình Lân	724	25	6.3
A13-15	Nguyễn Thành Long	721	38	9.5
A13-16	Trần Hiếu Long	724	36	9
A13-17	Dương Gia Luận	722	17	4.3
A13-18	Nguyễn Lâm Hoàng Luân	722	38	9.5
A13-19	Huỳnh Bạch Mai	724	37	9.3
A13-20	Hà Trần My Na	724	37	9.3
A13-21	Bùi Duy Nghiêm	723	38	9.5
A13-22	Nguyễn Bảo Ngọc	721	27	6.8
A13-23	Trần Nguyễn Xuân Nguyệt	724	36	9
A13-24	Nguyễn Thị Xuân Như	722	38	9.5
A13-25	Nguyễn Văn Phát	723	40	10
A13-26	Huỳnh Văn Phát	721	40	10
A13-27	Võ Hoàng Phong	722	35	8.8
A13-28	Nguyễn Việt Phúc	724	36	9
A13-29	Nguyễn Hoàng Hồng Phúc	722	31	7.8
A13-30	Nguyễn Hoàng Quế Phụng	721	31	7.8
A13-31	Tổng Thiên Phước	721	40	10
A13-32	Võ Nhật Phương	721	38	9.5
A13-33	Vương Hưng Quang	723	38	9.5
A13-34	Huỳnh Ngọc Sơn	724	36	9
A13-35	Lương Hữu Thành	721	36	9
A13-36	Nguyễn Duy Thịnh	722	33	8.3
A13-37	Nguyễn Anh Thư	724	38	9.5
A13-38	Hồ Thị Thủy Tiên	722	40	10
A13-39	Nguyễn Hiếu Trung	724	37	9.3
A13-40	Nguyễn Đức Trung	722	20	5
A13-41	Hồ Lê Anh Tú	723	36	9
A13-42	Hà Cao Văn	723	38	9.5
A13-43	Lê Trần Hoàng Yến	723	34	8.5
A13-44				
A13-45				
A13-46				
A13-47				
A13-48				
A13-49				
A13-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A14-01	Đinh Thị Xuân An	721	39	9.8
A14-02	Nguyễn Thị Tuyết Anh	721	39	9.8
A14-03	Nguyễn Võ Quốc Bảo	722	36	9
A14-04	Trần Ngân Bảo	724	39	9.8
A14-05	Huỳnh Gia Bảo	721	38	9.5
A14-06	Nguyễn Lê Thành Công	721	38	9.5
A14-07	Phạm Lê Thủy Diễm	723	36	9
A14-08	Vũ Thị Mỹ Dung	724	38	9.5
A14-09	Nguyễn Quốc Dũng	722	40	10
A14-10	Đỗ Đức Đạt	721	27	6.8
A14-11	Nguyễn Gia Đình	724	37	9.3
A14-12	Trương Thị Hòa Hảo	721	38	9.5
A14-13	Đỗ Minh Hiên	723	37	9.3
A14-14	Trần Hoàng Quỳnh Hương	722	40	10
A14-15	Nguyễn Trần Nhật Huy	724	31	7.8
A14-16	Trương Quang Khải	724	39	9.8
A14-17	Lê Nguyễn Thiên Kim	724	38	9.5
A14-18	Võ Thị Nguyễn Mỹ Linh	723	39	9.8
A14-19	Nguyễn Phạm Tấn Lộc	721	40	10
A14-20	Nguyễn Phùng Xuân Mai	722	38	9.5
A14-21	Trương Triệu Mẫn	724	39	9.8
A14-22	Dương Hồng Minh	723	39	9.8
A14-23	Nguyễn Hồ Ly Na	722	38	9.5
A14-24	Hồ Ngọc Phương Nghi	722	39	9.8
A14-25	Phan Minh Nghĩa	723	32	8
A14-26	Hoàng Thị Kim Ngọc	723	39	9.8
A14-27	Đoàn Thị Hồng Ngọc	723	33	8.3
A14-28	Ngô Lê Thảo Nguyên	721	40	10
A14-29	Nguyễn Hữu Nhân	722	38	9.5
A14-30	Huỳnh Lê Nhật	721	40	10
A14-31	Nguyễn Tấn Nhật	723	39	9.8
A14-32	Vũ Văn Nhật	723	38	9.5
A14-33	Nguyễn Thị Nhung	724	37	9.3
A14-34	Nguyễn Tú Oanh	723	37	9.3
A14-35	Ngô Sĩ Hoàng Quý	721	39	9.8
A14-36	Nguyễn Lê Thảo Quỳnh	724	36	9
A14-37	Lương Thanh Sơn	721	37	9.3
A14-38	Nguyễn Bá Thiên	721	39	9.8
A14-39	Nguyễn Quốc Thịnh	722	34	8.5
A14-40	Nguyễn Thanh Thỏa	723	37	9.3
A14-41	Phan Minh Thy	723	38	9.5
A14-42	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	724	34	8.5
A14-43	Hà Phương Trinh	724	39	9.8
A14-44	Nguyễn Văn Anh Tú	721	38	9.5
A14-45	Lê Ngọc Tường Vy	721	40	10
A14-46				
A14-47				
A14-48				
A14-49				
A14-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : SỬ 12

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
A15-01	Đinh Ngô Xuân An	733	38	9.5
A15-02	Nguyễn Thị Tú Anh	732	39	9.8
A15-03	Trương Ngọc Ánh	734	39	9.8
A15-04	Trần Huỳnh Bảo Bảo	734	40	10
A15-05	Nguyễn Phúc Bảo	732	40	10
A15-06	Lương Nguyễn Ngọc Diệu	732	39	9.8
A15-07	Lý Thái Dương	733	34	8.5
A15-08	Ma Huỳnh Khánh Hà	734	40	10
A15-09	Lê Thị Hải Hà	731	38	9.5
A15-10	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	732	39	9.8
A15-11	Nguyễn Thị Thúy Hằng	734	40	10
A15-12	Nguyễn Ngọc Mỹ Khanh	731	39	9.8
A15-13	Trần Lâm Gia Khánh	734	40	10
A15-14	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	733	38	9.5
A15-15	Bùi Mỹ Khánh Linh	733	40	10
A15-16	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	731	36	9
A15-17	Nguyễn Thị Yến Linh	734	40	10
A15-18	Nguyễn Thị Khánh Ly	732	38	9.5
A15-19	Bạch Nhật Minh	731	40	10
A15-20	Đinh Phạm Thuỳ My	731	39	9.8
A15-21	Lý Gia Nghi	733	40	10
A15-22	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	731	37	9.3
A15-23	Lâm Uyên Nhi	734	37	9.3
A15-24	Nguyễn Thuận Như	731	39	9.8
A15-25	Bùi Nguyễn Như Quỳnh	733	30	7.5
A15-26	Nguyễn Thị Như Quỳnh	734	39	9.8
A15-27	Huỳnh Mai Quỳnh	731	36	9
A15-28	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	733	40	10
A15-29	Nguyễn Văn Tài	733	40	10
A15-30	Trần Thiên Thanh	733	39	9.8
A15-31	Nguyễn Phương Thảo	732	40	10
A15-32	Phạm Vũ Anh Thư	731	39	9.8
A15-33	Nguyễn Diệu Thư	733	39	9.8
A15-34	Nguyễn Hoàng Anh Thư	733	40	10
A15-35	Nguyễn Minh Thư	731	29	7.3
A15-36	Tất An Thuận	732	33	8.3
A15-37	Phạm Ngọc Kim Trang	732	39	9.8
A15-38	Võ Ngọc Phương Trinh	731	37	9.3
A15-39	Nguyễn Thị Thanh Trúc	732	37	9.3
A15-40	Lưu Thanh Trúc	732	32	8
A15-41	Nguyễn Hoàng Phương Tuấn	733	40	10
A15-42	Trần Phương Uyên	732	40	10
A15-43	Đỗ Khánh Vân	734	30	7.5
A15-44	Nguyễn Nhật Vy	734	38	9.5
A15-45	Nguyễn Đan Vy	732	39	9.8
A15-46				
A15-47				
A15-48				
A15-49				
A15-50				